TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ AN KHÊ - TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 23/8/2018
"V/v Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ AN KHÊ - TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đồng Ánh Đông

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Kia
2. Bà Nguyễn Thị Huê

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Loan Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã An Khê tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 50/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2018 "Về việc tranh chấp về ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/8/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông **Nguyễn TB**, sinh năm 1972; địa chỉ: Tổ A, phường AP, thị xã AK, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- *Bị đơn*: Bà **Nguyễn TL**, sinh năm 1968; địa chỉ: Tổ A, phường AP, thị xã AK, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn TB trình bày: Ngày 12/01/1994, ông B và bà L tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã CA, huyện AK cũ (nay là thị xã AK), tỉnh Gia Lai. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do quan điểm trong cuộc sống của vợ chồng không đồng thuận dẫn đến tình cảm không còn, sự chênh lệch về tuổi tác, cuộc sống không hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được, bà L nghi ngờ về mối quan hệ bên ngoài làm

ảnh hưởng đến uy tín và danh dự của ông. Ông B đã không còn chung sống với bà L từ tháng 02/2018 đến nay, hiện nay tình cảm vợ chồng không còn. Do vậy, ông B yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Xin được ly hôn với bà Nguyễn TL.

Về con chung: Ông B và bà L có 02 con chung là Nguyễn SL, sinh ngày 20/7/1994 và Nguyễn TM, sinh ngày 06/01/1996, các con đã đủ 18 tuổi và tự lập được, nên ông B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn TL trình bày: Bà L và ông B tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn đúng như ông B trình bày. Trong quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì, thỉnh thoảng vợ chồng có nói qua nói lại nhưng không lớn. Nay ông B yêu cầu ly hôn thì bà không đồng ý, vì vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn. Hiện nay, bà L vẫn còn tình cảm với ông B, các con bà đã đủ 18 tuổi nhưng công việc chưa ổn định, đứa nhỏ vẫn đang học đại học. Bà L mong muốn không ly hôn để có thời gian ông B suy nghĩ lại và quay về với gia đình.

Về con chung: Bà L và ông B có 02 con chung là Nguyễn SL, sinh ngày 20/7/1994 và Nguyễn TM, sinh ngày 06/01/1996, các con đã đủ 18 tuổi và tự lập được, nên bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã An Khê trình bày: Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng không bộc lộ mạnh mẽ, mà âm ỉ từ lâu, nay ông B dứt khoát không còn tình cảm với bà L nên quyết định ly hôn, thể hiện ý chí của ông B không muốn tiếp tục kéo dài cuộc sống vợ chồng nên cần chấp nhận yêu cầu của ông B cho ly hôn với bà L. Về án phí, ông B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn ông Nguyễn TB yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn TL, sinh năm 1968; địa chỉ: Tổ A, phường AP, thị xã AK, tỉnh Gia Lai. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì đây là vụ án tranh chấp về ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã AK, tỉnh Gia Lai.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn TB và bà Nguyễn TL tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống ông B và bà L có phát sinh mâu thuẫn nên ông B yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà L. Bà L không đồng ý ly hôn và mong muốn được đoàn tụ, vì cho rằng không có mâu thuẫn gì lớn đến mức phải ly hôn. Tòa án đã nhiều lần tổ chức hòa giải, phân tích hậu quả của việc ly hôn, động viên các bên cố gắng gỡ bỏ mâu thuẫn để hàn gắn với nhau nhưng không thành, ông B vẫn cương quyết ly hôn. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã phân tích động viên để vợ chồng đoàn tụ, nhưng ông B vẫn cương quyết ly hôn với bà L. Hội đồng xét xử xét thấy, lý do để ly hôn của ông B không rõ ràng, chưa thuyết phục, mâu thuẫn vợ chồng chỉ là tạm thời, có thể khắc phục được, còn một con chung đang học nên vợ chồng cần hàn gắn để nuôi dạy con, để không làm ảnh hưởng đến tâm lý của con. Tòa án cũng đã tiến hành xác minh ở địa phương và mẹ đẻ của ông B là bà Nguyễn TT nhưng đều không rõ tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng ông B, bà L, mẹ đẻ của ông B cũng mong muốn vợ chồng ông B được đoàn tụ. Tại phiên tòa, ông B thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng cũng không có gì quan trọng nên không nhờ chính quyền địa phương và gia đình hòa giải. Xét thấy, tình trạng mâu thuẫn của ông B và bà L chưa đến mức trầm trọng, có thể hàn gắn đoàn tụ với nhau được nên không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn TB.

[3] Về con chung: Ông B và bà L có 02 con chung là Nguyễn SL, sinh ngày 20/7/1994 và Nguyễn TM, sinh ngày 06/01/1996. Hiện nay các con của ông Bộ, bà Lan đã đủ 18 tuổi và tự lập được, ông B, bà L cũng không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Ông B và bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nguyên đơn ông Nguyễn TB phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bị đơn bà Nguyễn TL không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

2. Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn TB về việc ly hôn với bà Nguyễn TL.

- *Về án phí*: Ông Nguyễn TB phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)*, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ, theo biên lai thu tiền số 0001220 ngày 05/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã An Khê, ông B đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn TL không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Thời hạn kháng cáo: Trong thời hạn 15 *(Mười lăm)* ngày, kể từ ngày tuyên án (23/8/2018), các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai
- VKSND thị xã AK;
- Chi cục THADS TX AK;
- UBND xã CA, thị xã AK (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)
Đồng Ánh Đông